

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS - ST

Ngày: 22/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hoè và ông Lê Văn Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 36/2022/TLST - HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Đình L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 13 tháng 6 năm 2003; Nơi cư trú: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Đình H1 (đã chết) và con bà Lê Thị H2; sinh năm 1986; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/5/2020 bị Công an thị xã H, tỉnh Nghệ An xử phạt 1.250.000đ về hành vi tàng trữ, cất dấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích người khác; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến nay; có mặt.

Người bị hại:

Chị Lê Thị T, sinh năm 1997; có mặt.

Nơi cư trú: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1994, có mặt.

Nơi cư trú: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Anh Nguyễn Đình Th1, sinh năm 2002, vắng mặt.

Nơi cư trú: Khối C, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Anh Nguyễn Văn Tuấn A, sinh năm 2001, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn S, xã Tr, thị xã Ngh, tỉnh Thanh Hoá.
Anh Nguyễn Chính T1, sinh ngày 07/2/2006, vắng mặt.
Nơi cư trú: Khối X, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Người đại diện hợp pháp cho Toàn: Bà Văn Thị H, sinh năm 1985, vắng mặt.
Nơi cư trú: Khối X, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Chị Lê Thị H1, sinh năm 1986, có mặt.
Nơi cư trú: Khối X, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Người làm chứng:
Anh Văn Đức Ph, sinh năm 1992, có mặt.
Nơi cư trú: Khối S, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 08/4/2022, Nguyễn Đình L đang làm việc tại xưởng nhôm kính của anh Nguyễn Đình Th thì có bạn là anh Lê Tiến Th3 gọi điện để hỏi tiền nợ. Do không có tiền trả nợ nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đình L đi sang nhà anh Th thì thấy một chiếc xe mô tô tay ga, nhãn hiệu Suzuki, loại Impulse, màu đen đỏ, biển số 37L1-615.12 của chị Lê Thị T đang dựng ở sân nên L lén lút dắt xe đi. Sau khi ra khỏi nhà anh Th, L điều khiển xe mô tô đến nhà bạn. Tại đây, L mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy trong cốp xe có một ví da màu xanh, bên trong có một chứng minh nhân dân, một thẻ căn cước công dân, một giấy đăng ký xe và một giấy phép lái xe, tất cả đều mang tên Lê Thị T. Thấy vậy, L chụp ảnh chiếc xe máy và giấy đăng ký xe rồi gửi cho anh Nguyễn Đình Th1 và hỏi anh Th1 có nhận cầm xe không thì anh Th1 trả lời có rồi gửi số điện thoại của anh Nguyễn Văn Tuấn A cho L. L liên lạc với anh Tuấn A thì anh Tuấn A nói với L mang xe ra nhà trọ của anh Th1 để xem. Sau đó, Lo rủ anh Nguyễn Chính T1 điều khiển một mô tô khác đi cùng. Khi đến nơi T1 đứng ngoài còn L đưa xe vào nhà trọ của anh Th1 cho anh Tuấn A xem. Sau khi xem xong, anh Tuấn A nói với L chỉ cầm được 2.000.000đ thì L đồng ý và giao xe cùng với giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị T cho anh Tuấn A, còn anh Tuấn A chuyển số tiền 2.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của Th1 cho L. Sau khi cầm xe xong, L đi ra nói với anh T1 đi về trước còn L ở lại tại phòng trọ của anh Th1. Tại đây, L lấy chiếc ví da cùng với các giấy tờ còn lại cất vào ba lô của anh Th1. Ngày 11/4/2022, chị Lê Thị T sau khi phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Impulse, màu đen đỏ, biển số: 37L1- 615.12 của mình bị mất trộm nên đã đến Công an phường Q, thị xã H để trình báo. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Đình L cũng đến Công an phường Q, thị xã H để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Tại bản kết luận định giá tài sản số 06 ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản của UBND thị xã H kết luận: 01(Một) chiếc xe nhãn hiệu Suzuki, loại Impulse, màu đen đỏ, số khung: F4EYG113157, số máy: F4F3113133, biển số: 37L1-615.12, tình trạng xe đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 40/CT- VKSHM, ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình L từ 06-09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế nên miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lê Thị T đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất, nay không yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Văn Tuấn A yêu cầu Nguyễn Đình L trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà L đã cầm cố xe vào ngày 08/4/2022. Cần buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Văn Tuấn A số tiền 2.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01(Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Impulse, màu đen đỏ, số khung: F4EYG113157, số máy: F4F3113133, biển số: 37L1-615.12, tình trạng xe đã qua sử dụng, do anh Nguyễn Văn Tuấn A giao nộp.

- 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011046 đối với xe mô tô 37L1-615.12 do Công an thị xã H cấp ngày 17/01/2017 mang tên Lê Thị T do anh Nguyễn Văn Tuấn A giao nộp.

- 01 chiếc ví da hình chữ nhật, kích thước (10x20) cm, màu xanh nhạt, bên trong có: 01 (một) chứng minh nhân dân, 01 (một) thẻ căn cước công dân; 01 một giấy phép lái xe hạng A1, tất cả đều mang tên Lê Thị T do anh Nguyễn Đình Th1 giao nộp.

- Tất cả số vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoàng Mai đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị T vào ngày 20/4/2022 theo đúng quy định nên miễn xét.

Đối với anh Nguyễn Văn Tuấn A, là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô của Nguyễn Đình L, anh Nguyễn Đình Th1 là người giới thiệu cho cầm chiếc xe và anh Nguyễn Chính T1, là người đi cùng L ra Thanh Hóa để cầm cố tài sản tuy nhiên những người trên không biết tài sản đó là do Long phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình L khai nhận ngoài thực hiện hành vi trộm cắp nói trên, L cũng đã hai lần hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Đình Th rồi mang đi cầm cố. Tuy nhiên, khi cầm xe, L đều nói cho anh Th biết và đều chuộc lại xe để trả lại theo yêu cầu của anh Th nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự Nguyễn Đình L về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy phù hợp về thời gian, địa điểm mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt; Có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11giờ 30 phút ngày 08/4/2022, tại nhà của chị Lê Thị T, thuộc khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Đình L đã lợi dụng sơ hở, không có ai trông coi, lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị T một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Impulse, màu đen đỏ, biển số 37L1-615.12 có giá trị 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do không muốn lao động chân chính, coi thường pháp luật nên đã thực hiện tội phạm một cách liêu lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi của bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Đình L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình thường của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội về tội trộm cắp tài sản và giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2020 nhưng khi đó bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác bố bị cáo đã mất, bị cáo và mẹ đang đi làm nuôi 04 em nhỏ nên bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ niềm tin giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế nên miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01(Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Impulse, màu đen đỏ, số khung: F4EYG113157, số máy: F4F3113133, biển số: 37L1-615.12, tình trạng xe đã qua sử dụng, do anh Nguyễn Văn Tuấn A giao nộp.

- 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011046 đối với xe mô tô 37L1-615.12 do Công an thị xã H cấp ngày 17/01/2017 mang tên Lê Thị T do anh Nguyễn Văn Tuấn A giao nộp.

- 01 chiếc ví da hình chữ nhật, kích thước (10x20) cm, màu xanh nhạt, bên trong có: 01 (một) chứng minh nhân dân, 01 (một) thẻ căn cước công dân; 01 một giấy phép lái xe hạng A1, tất cả đều mang tên Lê Thị T do anh Nguyễn Đình Th1 giao nộp.

- Tất cả số vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoàng Mai đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị T vào ngày 20/4/2022 theo đúng quy định nên miễn xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lê Thị T đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất, nay không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Anh Nguyễn Văn Tuấn A yêu cầu Nguyễn Đình L trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà L đã cầm cố xe vào ngày 08/4/2022. Do đó cần buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Văn Tuấn A số tiền 2.000.000đ là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn Tuấn A, là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô của Nguyễn Đình L, anh Nguyễn Đình Th1 là người giới thiệu cho L cầm chiếc xe và anh Nguyễn Chính T1, là người đi cùng L ra Thanh Hóa để cầm cố tài sản tuy nhiên những người trên không biết tài sản đó là do L phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình L khai nhận ngoài thực hiện hành vi trộm cắp nói trên, L cũng đã hai lần hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Đình Th rồi mang đi cầm cố. Tuy nhiên, khi cầm xe, L đều nói cho anh Th biết và đều chuộc lại xe để trả lại theo yêu cầu của anh Th nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự Nguyễn Đình L về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Đình L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình L cho UBND phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình L trả lại cho anh Nguyễn Văn Tuấn A số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Nguyễn Đình L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Sở Tư pháp;
- CA thị xã H;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn